

Số: 01/2022/QĐST-HNGĐ

Bắc Trà My, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: bà Nguyễn Linh Dương- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn*: Anh Hồ Văn B, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Hồ Văn B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2014 ngày 01/8/2014 của UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày ban hành quyết định này (04/01/2022).

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là Hồ Văn D, sinh ngày 16/5/2014 và cháu Hồ Văn T, sinh ngày 08/12/2015. Giao hai cháu D và T cho

anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hồ Văn T mỗi tháng 400.000 đồng (*bốn trăm ngàn đồng*) và cháu Hồ Văn D mỗi tháng 400.000 đồng (*bốn trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu D và cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền án phí chị N phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0005027 ngày 16 tháng 12 năm 2021.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- UBND xã Trà Bui, huyện Bắc Trà My;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đại